

Số: 10/2022/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN  
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 2008/TTr-UBND, ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định*

mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; là căn cứ để các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan lập kế hoạch trung hạn, hằng năm và thực hiện hỗ trợ các nội dung thuộc Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

#### Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ LĐ-Thương binh và Xã hội;
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh; Báo ĐBP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Phương



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

### **Chương I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Chương trình).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là các Sở, ban, ngành, địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình.

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ngành và địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trung hạn, hàng năm của các sở, ngành tỉnh và các cấp tại địa phương được thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách trung hạn và hàng năm. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### **Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

1. Huyện nghèo căn cứ vào danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào kết quả Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên được phê duyệt kèm theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới thuộc tỉnh Điện Biên được công nhận theo Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và xác định theo Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo; xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền xác định theo Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

4. Xã đặc biệt khó khăn của huyện căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các xã khu vực III, II, I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

5. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến thời điểm 31/12/2020;

6. Tỷ lệ suy dinh dưỡng xác định trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2021 theo Báo cáo của Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

7. Số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xác định trên cơ sở kết quả tuyển sinh năm 2020 tổng hợp tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022.

8. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện xác định trên cơ sở số liệu Tổng điều tra dân số nhà ở tại thời điểm 01/4/2019 tỉnh Điện Biên.

9. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

#### **Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

1. Vốn đối ứng ngân sách địa phương bao gồm vốn đầu tư phát triển và

vốn sự nghiệp bố trí hằng năm tối thiểu bằng 3% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương được trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Chương trình.

2. Nguồn vốn đầu tư phát triển đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình bố trí hằng năm tối thiểu bằng 3% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển được trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Chương trình, từ nguồn điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương của các dự án thuộc nội dung đầu tư của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguồn vốn sự nghiệp đối ứng của tỉnh do các cơ quan, đơn vị được phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình, lập kế hoạch bố trí, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm, tối thiểu bằng 3% trên tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương mà cơ quan, đơn vị được phân bổ để thực hiện Chương trình.

## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 6. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

#### 1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Dự án

Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các dự án trên địa bàn huyện nghèo của tỉnh

#### 2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo

Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện		Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Số hộ	Hệ số	Tổng tỷ lệ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10.000 hộ	0,15	Dưới 55%	0,37	Huyện có xã biên giới (BG)	0,14	Dưới 14 xã	0,1
Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17	Từ 55% đến dưới 60%	0,41	Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao (MN)	0,12	Từ 14 đến dưới 16 xã	0,12
Từ 15.000 hộ trở lên	0,2	Từ 60% đến dưới 65%	0,46	Huyện không có xã biên giới.	0,10	Từ 16 xã trở lên	0,14
		Từ 65% trở lên	0,5				

#### 3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

a) Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ theo địa bàn huyện nghèo được tính theo công thức:

$$A_i = Q.X_i$$

Trong đó:

Ai là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1 (trừ vốn ngân sách trung ương để triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn).

b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương. Tiêu chí và hệ số phân bổ cho huyện nghèo theo khoản 2 Điều này.

### **Điều 7. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Dự án: tối đa 15% cho Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 85% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = (0,12.HN_i) \times 2,5 + ĐV_i$ .

$HN_i$  là hệ số huyện nghèo ( $HN_i = 1$  khi huyện thứ  $i$  là huyện nghèo;  $HN_i = 0$  khi huyện thứ  $i$  không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

### **Điều 8. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

#### **1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án: tối đa 2% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 98% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

Đi là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức:  $Y_i = (0,12.HNi) \times 2,5 + ĐVi$ .

$HN_i$  là hệ số huyện nghèo ( $HN_i = 1$  khi huyện thứ i là huyện nghèo;  $HN_i = 0$  khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

ĐVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

## 2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện		Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi của huyện	
Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số	Tỷ lệ	Hệ số
Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1	Trên 30%	1,6
		Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15	Từ 25% đến 30%	1,4
		Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3	Từ 20% đến dưới 25%	1,2
		Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5		
		Từ 20 xã trở lên	2		

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DDi$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

DDi là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i.



$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = (0,12.HN_i) \times 3 + ĐV_i$ .

$HN_i$  là hệ số huyện nghèo ( $HN_i = 1$  khi huyện thứ  $i$  là huyện nghèo;  $HN_i = 0$  khi huyện thứ  $i$  không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức.

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

#### **Điều 9. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

##### **1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

###### a) Đối với vốn đầu tư phát triển

- Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiểu dự án để đầu tư cho các trường cao đẳng giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn: Căn cứ vào số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (căn cứ theo kết quả tuyển sinh năm 2020 tổng hợp tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch PTKTXH, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022).

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$H_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

$H_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho trường thứ  $i$ .

$X_i$  là kết quả tuyển sinh năm 2020 của trường thứ  $i$  trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của các trường được tổng hợp tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

$Q$  là vốn bình quân cho một trường được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương để phân bổ Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

###### b) Đối với vốn sự nghiệp

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các Sở, ngành và các trường Cao đẳng (có chức năng thực hiện

giáo dục nghề nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các huyện để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

\* Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện		Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Cơ sở	Hệ số	Số lượng	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Mỗi một Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1	Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 200 người/năm đến dưới 500 người/năm	0,6
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 500 người/năm trở lên	0,7
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6				
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7				
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

\* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho địa phương được tính theo công thức:

$$I_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$I_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ  $i$  theo công thức:

$$X_i = (T_{Li} + Q_{Mi}) \times 3 + (TR_i + TS_i).$$

$T_{Li}$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Q_{Mi}$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$TR_i$  là tổng hệ số tiêu chí số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện thứ  $i$  được tính theo công thức:  $TR_i = 0,1 \times TT_i$

$TT_i$  là số trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện thứ  $i$ .

$TS_i$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

\* Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện		Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số	Số lượng	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1	Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15	Từ 200 người/năm đến dưới 500 người/năm	0,6
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3	Từ 500 người/năm trở lên	0,7
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5		
		Từ 6.500 hộ đến	0,7			Từ 20 xã trở	2		

		dưới 7.500 hộ				lên			
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8						
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9						

\* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

$K_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ  $i$  theo công thức:

$$X_i = TLi + QMi + 0,12.HNi + ĐVi + TSi$$

$TLi$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$QMi$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$HNi$  là hệ số huyện nghèo ( $HNi=1$  khi huyện thứ  $i$  là huyện nghèo;  $HNi=0$  khi huyện thứ  $i$  không phải huyện nghèo).

$ĐVi$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$TSi$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

**2. Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 18% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 82% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030)

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45		
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5		
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6		
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7		
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8		
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9		

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Li = Q.Xi.Yi$$

Trong đó: Li là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

Yi là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện thứ i, Yi=0,12.HNi.

HNi là hệ số huyện nghèo (HNi= 1 khi huyện thứ i là huyện nghèo; HNi=0 khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

Q là vốn bình quân cho một tỉnh được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

### 3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiểu dự án giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với vốn sự nghiệp

\* Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án tối đa 10% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho các địa phương.

## \* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Số lượng	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Dưới 30.000 người	1,0
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45	Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người	1,3
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5	Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người	1,6
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6	Từ 50.000 người trở lên	1,9
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7		
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8		
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9		

\* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$M_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

### **Điều 10. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

1. Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ nhà xây mới: 50.000.000 đồng/hộ; Sửa chữa nhà: 30.000.000

đồng/hộ (trong đó, vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ: 40.000.000 đồng/hộ/nhà xây mới; 20.000.000 đồng/ hộ/nhà sửa chữa). Số tiền chênh lệch so với định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định 02/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 được đảm bảo bằng nguồn vốn Ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa.

3. Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo các quy định hiện hành.

### **Điều 11. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

#### **1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án: tối đa 30% cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các địa phương.

\* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện</b>		<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện</b>		<b>Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn</b>		<b>Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện</b>	
<b>Tổng tỷ lệ</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Số hộ</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Đặc điểm</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Số xã</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q.X_i.Y_i + D_i$$

$N_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,12.HN_i + ĐV_i$ .

$HN_i$  là chỉ số huyện nghèo ( $HN_i = 1$  khi huyện thứ  $i$  là huyện nghèo;  $HN_i = 0$  khi huyện thứ  $i$  không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$D_i$  là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6;  $D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện.

## 2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 35% cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương



Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,12.HN_i + ĐV_i$ .

$HN_i$  là chỉ số huyện nghèo ( $HN_i = 1$  khi huyện thứ  $i$  là huyện nghèo;  $HN_i = 0$  khi huyện thứ  $i$  không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6.

**Điều 12. Dự án 7:** Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 25% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 75% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

### 3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,12 \cdot H_{Ni} + ĐV_i$ .

$H_{Ni}$  là chỉ số huyện nghèo ( $H_{Ni} = 1$  khi huyện thứ  $i$  là huyện nghèo;  $H_{Ni} = 0$  khi huyện thứ  $i$  không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các tỉnh để thực hiện Dự án 7./.

---